

Số: 195 /2015/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang**

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG	
ĐẾN	Số: 1648
	Ngày: 18/5/2015
Chuyên:	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 của Bộ Nội vụ Quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

Sau khi có ý kiến nhất trí của Thường trực HĐND tỉnh về hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo nghiên cứu sinh trình độ Tiến sỹ tại Công văn số 155/HĐND-KTNS ngày 24/4/2015;


Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 56/TTr-SNV ngày 17/3/2015 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 61/BC-STP ngày 06/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3 (SNV, STC: 15 bản);
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban Đảng, trường Chính trị tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT&TH tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, trưởng các phòng, đơn vị;
 - + Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Linh

QUY ĐỊNH

Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 195/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, nguyên tắc, nội dung, hình thức, điều kiện, quyền lợi và nghĩa vụ; thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng; đền bù chi phí và chế độ khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho các đối tượng dưới đây và gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức:

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (cấp huyện); công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức Hội, đơn vị sự nghiệp được UBND tỉnh giao biên chế;

b) Cán bộ, công chức công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

c) Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

d) Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố;

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

e) Các đối tượng khác thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

2. Quy định này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc lực lượng vũ trang và các cơ quan, đơn vị không thụ hưởng ngân sách địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Đối với cán bộ, công chức thực hiện nguyên tắc được quy định tại Điều 3 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức (sau đây viết là Nghị định số 18/2010/NĐ-CP).

2. Đối với viên chức thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2, Điều 32 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây viết là Nghị định số 29/2012/NĐ-CP).

3. Đối với việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài phải thực hiện theo Đề án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo các chương trình liên kết đào tạo giữa cơ sở đào tạo nước ngoài với cơ sở đào tạo trong nước, các chương trình liên kết đào tạo phải được phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Cán bộ, công chức, viên chức không được tự ý dự tuyển các khóa đào tạo, bồi dưỡng khi chưa có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tự túc hoàn toàn về thời gian và kinh phí học tập, phải tham gia đầy đủ các hoạt động của cơ quan, đơn vị nơi công tác và chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm mà cơ quan, đơn vị phân công đảm nhiệm và được Thủ trưởng cơ quan quản lý (Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) đồng ý bằng văn bản ghi rõ đối tượng đào tạo, bồi dưỡng tự túc hoàn toàn về thời gian và kinh phí học trong qua trình học tập. Thủ trưởng cơ quan quản lý công chức, viên chức gửi văn bản cử đi đào tạo, bồi dưỡng về Sở Nội vụ để theo dõi.

5. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng hai khóa học trở lên trong cùng một thời gian tập trung học tập.

Điều 4. Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với cán bộ, công chức thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

2. Đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 của Bộ Nội vụ quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức và theo yêu cầu phát triển đội ngũ viên chức của đơn vị.

Điều 5. Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng

1. Các hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gồm:

- a) Tập trung;
- b) Bán tập trung;
- c) Vừa làm vừa học;
- d) Từ xa.

2. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu lựa chọn hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thích hợp đối với từng đối tượng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chất lượng và hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN CỬ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 6. Điều kiện, tiêu chuẩn cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học (tiến sĩ; thạc sĩ; chuyên khoa I, chuyên khoa II đối với ngành y tế) phải nằm trong quy hoạch, đảm bảo các điều kiện của cơ sở đào tạo; đồng thời đáp ứng đủ các điều kiện theo từng đối tượng cụ thể sau:

a) Đối với cán bộ, công chức: Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm hoặc chức danh quy hoạch; cán bộ, công chức được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu, tuổi đời không quá 40 tuổi tính đến thời điểm được cử đi đào tạo; có cam kết tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo; có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên tính từ thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí công tác, trong đó có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường hợp đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Khoản 4 Điều 24 Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức (sau đây gọi là Thông tư số 03/2011/TT-BNV) thì được cử đi đào tạo khi đủ 03 năm công tác.

b) Đối với viên chức: chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu chức danh nghề nghiệp; có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo; viên chức được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu, tuổi đời không quá 50 tuổi đối với nam, không quá 45 tuổi đối với nữ (Trường hợp đặc biệt phải được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định); có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên tính từ thời điểm được tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí công tác, trong đó có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường hợp đáp ứng được các yêu cầu nêu trên về chuyên ngành đào tạo, tuổi đời, thời gian cam kết phục vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và có 02 năm liên đạt danh hiệu từ Chiến sỹ thi đua cơ sở trở lên hoặc được xét tuyển đặc cách theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP thì được cử đi đào tạo khi đủ 03 năm công tác.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học khi đủ các điều kiện sau:

a) Đã được bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ lãnh đạo mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; hoặc đang đảm nhiệm vị trí thuộc lĩnh vực chuyên môn có tính đặc thù; hoặc đối với chức danh trưởng, phó trưởng công an, quân sự cấp xã chưa đạt chuẩn chuyên môn.

b) Chuyên ngành cử đi đào tạo phải phù hợp với vị trí, chức danh và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của nhà nước;

c) Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo (đối với cán bộ, công chức), trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo (đối với viên chức).

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn khi có đủ các điều kiện theo quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

4. Việc cử cán bộ, công chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Điều 7. Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng sau:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý sau khi có Nghị quyết hoặc ý kiến đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- b) Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài;
- c) Bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp và tương đương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ quyết định cử đi bồi dưỡng đối với các đối tượng như: Cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính và tương đương, kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên.

3. Thủ trưởng các sở, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng đơn vị được phân cấp quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức do cơ quan, đơn vị quản lý theo kế hoạch của tỉnh, bao gồm:

- a) Cử cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý đi đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp về chuyên môn bằng ngân sách nhà nước và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nội vụ.

- b) Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về chuyên ngành; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ theo kế hoạch hàng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc bộ, ngành chức năng ở Trung ương phân bổ.

Chương III

NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM ĐÈN BÙ KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 8. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận; kiến thức, kỹ năng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác theo quy định; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 18/2010/NĐ-CP đối với cán bộ, công chức và quy định tại Điều 33 Luật Viên chức đối với viên chức.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ và thuộc ngạch, chức danh nào phải được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng các tiêu chuẩn trình độ kiến thức quy định cho chức vụ, ngạch và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đó.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành tốt nội quy, quy định và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học và đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập theo quy định.

4. Sau khi kết thúc khóa học, cán bộ, công chức, viên chức báo cáo kết quả học tập cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng.

5. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Điều 9. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước có các quyền lợi sau:

- a) Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;
- b) Được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định;
- c) Được hưởng chế độ khuyến khích đào tạo trình độ Tiến sỹ theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

d) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;

e) Được biểu dương, khen thưởng khi đạt kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng;

g) Các chế độ chính sách: tiền lương, phụ cấp hay chế độ khuyến khích do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý xem xét, giải quyết hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục và chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Điều 10. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Kinh phí của cơ quan, đơn vị sự nghiệp nơi cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng;
- c) Kinh phí các chương trình, dự án, đề án của Trung ương và địa phương;
- d) Kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- đ) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

Điều 11. Chế độ khuyến khích đào tạo trình độ Tiến sỹ

Hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo nghiên cứu sinh trình độ Tiến sỹ từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết năm 2020 đối với Nam là 50 triệu đồng và Nữ là 60 triệu đồng/01 trường hợp sau khi có bằng.

Điều 12. Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng áp dụng đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng, đào tạo ở nước ngoài và đào tạo trong nước từ trình độ trung cấp trở lên.

2. Cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng và các chi phí khác theo quy định trong các trường hợp sau:

- a) Tự ý không tham gia khóa học khi đã làm đầy đủ các thủ tục nhập học và đã được cơ quan cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; hoặc tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc thôi việc trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng;

b) Tham gia khóa học đầy đủ thời gian theo quy định (có xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng) nhưng không được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đã hoàn thành khóa học do nguyên nhân chủ quan;

c) Cán bộ, công chức, viên chức đã hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp nhưng bỏ việc, xin thôi việc hoặc chuyển công tác sang các cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi ngân sách cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng mà chưa phục vụ đủ thời gian đã cam kết theo quy định.

Điều 13. Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù đối với cán bộ, công chức, viên chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý do cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải thực hiện đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng.

2. Thành phần Hội đồng, nguyên tắc làm việc và cuộc họp của Hội đồng xét đền bù được thực hiện theo quy định tại Điều 28, 29, 30 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Điều 14. Chi phí đền bù

Chi phí đền bù, cách tính chi phí đền bù; điều kiện được tính giảm chi phí đền bù, quyết định đền bù, trả và thu hồi chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Thông tư số 03/2011/TT-BNV.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Rà soát, thống kê nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý gửi về Sở Nội vụ trước ngày 01/9 hàng năm để tổng hợp xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của năm liền kê trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Riêng ngành Y tế và ngành Giáo dục và Đào tạo chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của ngành, gửi Sở Nội vụ thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ và cơ sở đào tạo tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của cơ quan, đơn vị sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy định này;

b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Quy định này;

c) Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức theo quy định.

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện việc xử lý bồi thường kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền buộc bồi thường kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các cán bộ, công chức, viên chức tại Điều 12 của Quy định này;

đ) Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bằng các nguồn kinh phí triển khai tại cơ quan, đơn vị về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 20/11 hàng năm.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn các sở, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quy định này; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm hoặc giai đoạn thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của ngành Y tế và ngành Giáo dục và Đào tạo.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có đủ năng lực và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của tỉnh theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy định này.

5. Thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này.

6. Triệu tập cán bộ, công chức, viên chức đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Sở Nội vụ chủ trì tổ chức, quản lý hoặc theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo, bồi dưỡng tại sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng hàng năm.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ dự thảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng dự toán chi cho các nội dung đào tạo, bồi dưỡng trong dự thảo kế hoạch để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chỉ tiêu dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan, đơn vị theo quy định. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

3. Thực hiện chế độ khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo nghiên cứu sinh có bằng Tiến sỹ khi có đủ hồ sơ theo quy định.

4. Hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. Báo cáo quyết toán nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

1. Chuẩn bị nội dung, chương trình giảng dạy, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Thống nhất với Sở Nội vụ mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức khi đảm bảo tốt về cơ sở vật chất, nội dung chương trình và đội ngũ giảng viên.

3. Thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các lớp được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ.

4. Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức do Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày bế giảng lớp học.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

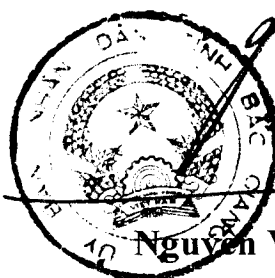
1. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm Quy định này, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế tại địa phương. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh